

BÁO CÁO
ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
CỦA TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM.

A. Ước thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2017.

I. Đặc điểm tình hình.

1. Tình hình sản xuất lúa năm 2017.

Tính chung, sản xuất lúa cả năm 2017 sụt giảm cả về diện tích và sản lượng so với năm 2016. Diện tích gieo trồng lúa đạt 7,7 triệu ha, giảm 0,8%; năng suất ước đạt 62,2 tạ/ha, tăng 0,4%; sản lượng ước đạt 43,2 triệu tấn, giảm 0,3% so năm 2016. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2017 sản lượng lúa Đồng bằng sông Cửu Long đạt 23,5 triệu tấn, giảm so với mức 23,9 triệu tấn của năm 2016. Vụ Đông Xuân là vụ mùa quan trọng nhất trong năm giảm mạnh từ mức 9,9 triệu tấn năm 2016 xuống còn 9,6 triệu tấn năm 2017, do suy giảm về diện tích và năng suất. Vụ Đông Xuân 2015/16 diễn biến không thuận lợi, và vụ Đông Xuân 2016/17 cũng gặp nhiều khó khăn do xâm mặn và hạn làm cho năng suất suy giảm trong giai đoạn đầu của vụ thu hoạch. Vụ Hè Thu lũ lên sớm cũng gây ảnh hưởng nhiều đến năng suất và chất lượng, đặc biệt là mặt hàng nếp ở Long An.

Năm 2017, cơ cấu chủng loại giống lúa tiếp tục dịch chuyển theo hướng giảm giống lúa IR50404, tăng mạnh JAPONICA, OM5451, OM6976, Đài thơm 8. Sự dịch chuyển này phản ánh tín hiệu của nhu cầu đa dạng hoá chủng loại xuất khẩu đã và đang diễn ra nhanh mạnh. Xuất khẩu Nếp tiếp tục tăng trưởng mặc dù có nhiều rủi ro từ phía Trung Quốc cả về thay đổi chính sách và đối tác kinh doanh. Mặt hàng Jasmine tiếp tục có nhu cầu nhiều từ Châu Phi và hưởng lợi từ mặt bằng giá gạo thơm của Thái Lan duy trì mức cao. Năm 2017 đánh dấu sự nổi lên của Japonica đi Papua New Guinea và Hàn Quốc.

2. Tổng quan kinh doanh xuất khẩu gạo của Việt Nam.

Năm 2017, ngành kinh doanh xuất khẩu gạo Việt Nam tiếp tục đánh dấu những bước chuyển tiếp trong tiến trình điều chỉnh cơ cấu ngành trước những thay đổi của thị trường toàn cầu, sự biến động thời tiết, hạn mặn và những thay đổi trong nội bộ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Xuất khẩu Gạo trắng phẩm cấp trung bình có được may mắn từ sự trở lại của nhu cầu Bangladesh do thiên tai lũ lụt, trong khi nhu cầu của Philippines không nhiều như kỳ vọng, và thiếu vắng nhu cầu của Indonesia. Các chủng loại thơm nhẹ như OM5451, OM6976 đã được sử dụng rộng rãi trong xuất khẩu đi Trung Quốc, thương nhân Philippines, và một phần trong cơ cấu gạo thơm đi Iraq. Năm 2017, Trung Quốc tiếp tục là nhu cầu chính chi phối giao dịch thương mại, đặc biệt với Nếp, OM5451. Tiểu ngạch tiếp tục xu hướng suy giảm.

Xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2017 đã tăng mạnh so với 2016 do lượng xuất khẩu đi các thị trường tập trung mạnh trở lại, giao dịch gạo trắng, thom và Nếp đều rất sôi động. Thị trường Trung Quốc tiếp tục là thị trường quan trọng nhất đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam, chiếm 39,2% tổng lượng gạo xuất khẩu Việt Nam trong năm 2017. Thị trường Châu Phi tiếp tục đóng vai trò quan trọng vào tỷ trọng nhập khẩu gạo Thom từ Việt Nam, 2 nước nhập khẩu chính của thị trường Châu Phi tiếp tục là Ghana. Philippines chỉ đứng sau Trung Quốc về lượng nhập khẩu gạo trắng của Việt Nam với tổng lượng nhập năm 2017 là 533 ngàn tấn. Theo sau Philippines là Malaysia và Cuba với lượng nhập khẩu gạo trắng lần lượt là 423 và 299 ngàn tấn. Papua New Guinea và Korea (Republic) là 2 thị trường chủ yếu nhập khẩu gạo giống Nhật đa phần là Japonica. Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong năm 2017 tăng mạnh lên mức 6,6 triệu tấn từ mức 5,1 triệu tấn năm 2016.

Đầu năm 2017, giá xuất khẩu gạo 5% tằm ở mức 335 USD/tấn, FOB, hàng tàu. Từ tháng 02 đến tháng 5 giao dịch xuất khẩu yếu giá giao động ở mức 345 đến 375 USD/tấn. Cuối tháng 6, tăng mạnh lên ở mức 400 USD/tấn. Từ tháng 7 đến tháng 10 giá xuất khẩu gạo 5% tằm ở mức 380 - 400 USD/tấn. Từ tháng 11 đến cuối năm, giao dịch xuất khẩu rất ảm đạm, nguồn cung ít, không có hợp đồng mới. Giá xuất khẩu gạo 5% tằm ở mức 385-390 USD/tấn.

3. Tình hình Tổng công ty.

Năm 2017 toàn Tổng công ty đã xác định, phải quyết tâm tổ chức thực hiện hai nhiệm vụ trọng tâm quan trọng; Một là: Phần đầu vượt qua khó khăn sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Hai là hoàn thành công tác cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam. Đến nay, Tổng công ty chỉ hoàn thành được một nhiệm vụ trọng tâm quan trọng là: Công tác Cổ phần hóa đã được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt phương án, đang tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo để tiến hành Đại hội cổ đông lần đầu đúng thời gian theo quy định.

Về tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2017 gặp nhiều khó khăn thách thức, có thể nhận định là khó khăn nhất trong những năm qua. Mặc dù được đánh giá là đơn vị mạnh trong kinh doanh xuất khẩu gạo của Việt Nam, liên tục nhiều năm liền là đơn vị dẫn đầu trong top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo hàng đầu, nhưng năm 2017 Tổng công ty Lương thực miền Nam chỉ đứng thứ ba trong top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo hàng đầu của Việt Nam. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng mua vào, bán ra, doanh thu, kim ngạch vừa đạt kế hoạch nhưng chỉ tiêu quan trọng là lợi nhuận không đạt kế hoạch, thậm chí còn bị lỗ. Tổng công ty cần tổng kết đánh giá sâu sắc, toàn diện các mặt hoạt động để tìm ra nguyên nhân, có kế hoạch khắc phục để năm 2018 quyết tâm phần đầu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao.

II. Một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2017.

1. Công ty mẹ – con.

SỐ TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	KH 2017	THỰC HIỆN		% SO	
				2017	2016	KH	CK
I	MUA VÀO (Tấn)						
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	1.592.000	1.579.195	1.558.709	99,20	101,31
2	Thủy sản (Cá com)	Tấn	1.100	1.388	974	126,18	142,51
3	Lúa mì	Tấn	52.000	42.968	50.752	82,63	84,66
II	BÁN RA						
1	Gạo (a+b)	Tấn	1.935.000	1.705.196	1.754.827	88,12	97,17
a)	Gạo của Tổng công ty bán ra	Tấn	1.535.000	1.631.510	1.247.118	106,29	130,82
	Tr. đó : - Xuất khẩu	Tấn	800.000	837.409	728.845	104,68	114,90
	- Nội địa	Tấn	735.000	794.101	518.273	108,04	153,22
b)	Gạo nhận UTXK ngoài TCT	Tấn	400.000	73.686	507.709	18,42	14,51
2	Thủy sản (Cá com)	Tấn	300	297	213	99,00	139,44
	Tr. đó : + Xuất khẩu :	Tấn	130	223	116	171,54	192,24
	+ Nội địa :	Tấn	170	74	97	43,53	76,29
3	Bột mì	Tấn	45.000	37.500	41.441	83,33	90,49
4	Thực phẩm chế biến	Tấn	11.200	12.900	11.712	115,18	110,14
	a) Xuất khẩu	Tấn	1.500	2.165	1.950	144,33	111,03
	b) Nội địa	Tấn	9.700	10.735	9.762	110,67	109,97
5	Bao bì	Cái	37.500.000	32.740.946	29.063.687	87,31	112,65
III	KIM NGẠCH XNK	USD	372.048.000	374.633.071	351.785.938	100,69	106,49
	Tr. đó : - Kim ngạch XK	USD	358.320.000	365.652.311	340.823.276	102,05	107,29
	- Kim ngạch NK	USD	13.728.000	8.980.760	10.962.662	65,42	81,92
	* KN nhận UTXK	USD	140.000.000	27.263.709	179.893.040		15,16
IV	DOANH THU	Tỷ.đồng	18.822,885	17.546,223	16.870,000	93,22	104,01
V	LỢI NHUẬN	Tỷ.đồng	209,200	-195,558	134,160		
VI	NỢP NGÂN SÁCH	Tỷ.đồng		121,511	137,894		88,12
VII	ĐẦU TƯ - XDCB	Tỷ.đồng	118,144	161,338	142,952	136,56	112,86

2. Công ty mẹ.

SỐ TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	KH 2017	THỰC HIỆN		% SO	
				2017	2016	KH	CK
I	MUA VÀO (Tấn)						
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	950.000	1.232.477	1.046.793	129,73	117,74
2	Lúa mì	Tấn	52.000	42.968	50.752	82,63	84,66
II	BÁN RA						
1	Gạo (a+b)	Tấn	1.350.000	1.342.940	1.313.720	99,48	102,22
a)	Gạo của Tổng công ty bán ra	Tấn	950.000	1.269.254	806.011	133,61	157,47
	Tr. đó : - Xuất khẩu	Tấn	500.000	574.834	404.427	114,97	142,14
	- Nội địa	Tấn	450.000	694.420	401.584	154,32	172,92
b)	Gạo nhận UTXK ngoài TCT	Tấn	400.000	73.686	507.709	18,42	14,51
2	Bột mì	Tấn	45.000	37.500	41.441	83,33	90,49
3	Thực phẩm chế biến	Tấn	1.000	320	593	32,00	53,96
4	Bao bì	Cái	10.000.000	9.232.071	9.703.658	92,32	95,14
III	KIM NGẠCH XNK	USD	234.553.000	247.415.906	176.783.681	105,48	139,95
	Tr. đó : - Kim ngạch XK	USD	220.825.000	238.435.146	165.821.019	107,97	143,79
	- Kim ngạch NK	USD	13.728.000	8.980.760	10.962.662	65,42	81,92
	* KN nhận UTXK	USD	140.000.000	27.263.709	179.893.040		15,16
IV	DOANH THU	Tỷ.đồng	10.951,885	10.985,203	10.109,675	100,30	108,66
V	LỢI NHUẬN	Tỷ.đồng	105,000	-145,920	161,378	-138,97	-90,42
VI	NỢP NGÂN SÁCH	Tỷ.đồng		53,587	68,944		77,73
VII	ĐẦU TƯ - XDCB	Tỷ.đồng	118,144	161,338	142,952	136,56	112,86

III. Đánh giá kết quả kinh doanh từng ngành hàng:

1. Về kinh doanh xuất khẩu gạo.

Theo Viettraders năm nay tỷ trọng xuất khẩu gạo của 10 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam đã giảm nhẹ trong quý 2 trước khi bật tăng mạnh vào quý 3/2017. Tính chung cả năm 2017, với tình hình xuất khẩu sôi động cả đi thị trường tập trung và thương mại, tỉ trọng xuất khẩu của top 10 doanh nghiệp chiếm 56,1%, xấp xỉ so với cả năm 2016 (55,1%). Trong 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo hàng đầu của Việt Nam năm 2017 thì Tổng công ty Lương thực miền Nam ở vị trí thứ 3 và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang đứng vị trí thứ 8. Như vậy năm nay Tổng công ty đã bị tụt hạng so với các năm trước đây luôn là đơn vị dẫn đầu.

Năm 2017 tăng trưởng xuất khẩu gạo của cả nước rất cao từ 5,1 triệu tấn năm 2016, đã đạt 6,6 triệu tấn năm 2017, tăng hơn 29%. Trong khi đó sản lượng bán ra của Công ty mẹ Tổng công ty chỉ đạt 02% so với cùng kỳ năm 2016 và nếu tính sản lượng cả Công ty mẹ – con Tổng công ty chỉ đạt 97,17%, thấp hơn 2,83% so với cùng kỳ (mặc dù đã có hợp đồng giao hàng Bangladesh và Philippines). Từ phân tích trên cho thấy việc khai thác thị trường xuất khẩu gạo thương mại của Tổng công ty chưa được cải thiện, Văn phòng Tổng công ty và nhiều đơn vị trong hệ thống Tổng công ty khó khăn trong việc tìm kiếm đầu ra kể cả xuất khẩu và nội địa, sản lượng bán ra thấp không thể mang hiệu quả trong kinh doanh. Đầu quý III có hợp đồng tập trung đã giải phóng được hàng, nhưng giá tồn kho cao, hiệu quả cũng không được như mong đợi. Một số đơn vị, không có tồn kho do khó khăn về nguồn vốn nên khi được phân bổ hợp đồng tập trung, giá biến động tăng, không mua được hàng, không thể thực hiện hợp đồng đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Tổng công ty.

2. Về kinh doanh gạo có nhãn hiệu, kinh doanh hệ thống cửa hàng tiện ích.

Trong năm 2017, việc kinh doanh gạo lẻ, gạo có nhãn hiệu cũng được chú trọng nhằm đẩy mạnh tiêu thụ lúa sản xuất theo chương trình liên kết cánh đồng lớn, một số đơn vị đã xây dựng vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao để đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng xây dựng nhãn hiệu gạo của đơn vị mình và hướng đến mục tiêu xây dựng nhãn hiệu gạo của Tổng công ty.

Về kinh doanh cửa hàng tiện ích, theo báo cáo nhanh của 12 đơn vị kinh doanh tại 84 cửa hàng tiện ích và trung tâm phân phối tham gia bình ổn thị trường cùng các kênh dịch vụ, kết quả kinh doanh năm 2017 cụ thể như sau: Số lượng cửa hàng giảm từ 86 cửa hàng trong năm 2016 xuống còn 84 cửa hàng trong năm 2017. Doanh thu: 2.280,13 tỷ đồng, đạt 122,49% so cùng kỳ năm 2016. Lợi nhuận: lỗ 1 tỷ 890 triệu đồng.

Trong đó:

+ 08 đơn vị kinh doanh có lãi: 5 tỷ 947 triệu đồng.

+ 04 đơn vị kinh doanh không hiệu quả: lỗ 7 tỷ 837 triệu đồng (trong đó hệ thống cửa hàng tiện ích của Công ty CP LT TP. Hồ Chí Minh ước tính lỗ trong 11 tháng đầu năm 2017 là: 1 tỷ 670 triệu đồng).

Lượng gạo tham gia bình ổn lương thực năm 2017: Số lượng tiêu thụ: 14.594 tấn, đạt 90,38% so cùng kỳ năm 2016; Doanh thu: 128 tỷ 840 triệu đồng, đạt 92% so cùng kỳ năm 2016; Lợi nhuận thực hiện: 583 triệu đồng, đạt 41,3% so

cùng kỳ năm 2016.

3. Về kinh doanh lúa mì - bột mì.

Tình hình thị trường bột mì trong nước cạnh tranh gay gắt, các nhà máy sản xuất bột mì có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng chiếm ưu thế, do có lợi thế về nguồn vốn, công nghệ sản xuất hiện đại, tự động hóa; chi phí sản xuất thấp, chất lượng sản phẩm ổn định, gia tăng chiếm lĩnh thị trường.

Mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty Bột mì Bình Đông đã rất cố gắng trong sản xuất kinh doanh, bảo đảm công ăn việc làm cho người lao động, từng bước khắc phục được khó khăn. Tổng sản lượng bột mì bán ra năm 2017 là 37.500 tấn đạt 83,33% so với kế hoạch và giảm 9,8% so với cùng kỳ năm 2016.

4. Về kinh doanh lương thực thực phẩm chế biến.

Công ty CP LTTP Safoco đã sản xuất ra 12.628 tấn sản phẩm và tiêu thụ được 12.580 tấn sản phẩm thực phẩm chế biến bao gồm các loại: bánh tráng, nui, mì, hủ tiếu, bún, cháo.. với tổng doanh thu đạt hơn 928 tỷ đồng.

Tuy khó khăn về nhiều mặt làm ảnh hưởng đến sản lượng bán ra như: diễn biến thất thường về thời tiết, cạnh tranh bởi các nhãn hàng riêng của những siêu thị lớn như Big C, Coopmart, Metro... và các doanh nghiệp lớn cũng như những thay đổi về chính sách như Hiệp định thương mại... nhưng Công ty CP LTTP Safoco đã nỗ lực kinh doanh đạt hiệu quả cao, kết quả lãi 35,780 tỷ đồng, đạt 106,07% kế hoạch và vượt gần 7% so cùng kỳ. Ngoài ra, Xí nghiệp bánh tráng Công ty Lương thực Trà Vinh cũng đã sản xuất và tiêu thụ được 320 tấn bánh tráng trong năm; Công ty CP LTTP Colusa Miliket cũng đã kinh doanh mặt hàng mì gói, bún, phở ăn liền và các sản phẩm khác rất hiệu quả doanh số ước đạt 526 tỷ đồng, lợi nhuận ước đạt 28 tỷ đồng.

5. Về kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ khác.

Các sản phẩm, dịch vụ khác bao gồm: kinh doanh xăng dầu, dịch vụ giao nhận tại cảng, cho thuê bến bãi, siêu thị, nước khoáng, nước tinh khiết, bao bì ... của các đơn vị thành viên, nhìn chung tương đối ổn định, tuy sản lượng có giảm nhưng không nhiều so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt ngành bao bì vào thời điểm đầu năm gặp rất nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng bởi thị trường gạo suy giảm nhưng cuối năm, tình hình khá hơn, sản lượng bán ra bình quân đạt gần 90% so với kế hoạch và đạt gần 100% so cùng kỳ năm trước.

IV. Kết quả hoạt động quản lý.

Năm 2017 đã sửa đổi, ban hành Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các Công ty do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ và các công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty; Quy định về quản lý chi tiêu nội bộ của Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam, Quy định tạm thời về thẩm định báo cáo tài chính hằng năm của các công ty con, công ty có vốn góp của Tổng công ty và phối hợp với các Phòng, Ban nghiệp vụ Tổng công ty xây dựng các quy chế quản lý nội bộ khác để quản lý có hiệu quả nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí,... Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát nghiệp vụ tài chính, thực hiện quy chế tài chính, chế độ quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động. Hướng dẫn và thực hiện các quy định về nghĩa vụ với nhà nước (kê khai, đăng nộp, báo cáo và quyết toán thuế và các khoản

phải nộp cho ngân sách). Xây dựng kế hoạch tài chính, dự báo tài chính, báo cáo quản trị tài chính và công khai tài chính của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

1. Về tình hình huy động vốn tại các ngân hàng.

Đến thời điểm hiện nay, tổng hạn mức tín dụng các ngân hàng đã cấp cho Tổng công ty đã đáp ứng được nhu cầu vốn hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 theo kế hoạch huy động vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty với tổng nhu cầu vốn tín dụng là: 7.082,987 tỷ đồng và ký các hợp đồng tín dụng tại các ngân hàng để huy động vốn với tổng hạn mức tối đa là: 9.207,883 tỷ đồng.

Tình hình tài chính của các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ hiện nay rất khó khăn; Việc các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ không chủ động và cân đối được nguồn trả nợ vay ngân hàng đến hạn, dẫn đến Văn phòng Tổng công ty phải chịu áp lực lớn trong việc cân đối dòng tiền để đảm bảo nguồn vốn thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và hỗ trợ các đơn vị nhằm tránh tình trạng nợ quá hạn đối với các ngân hàng thương mại.

2. Về tình hình ủy quyền sử dụng hạn mức tín dụng, bảo lãnh vay vốn đối với các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ.

Đến ngày 27/12/2017, Tổng công ty đã ủy quyền sử dụng hạn mức và cho phép vay vốn cho các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ với tổng hạn mức còn hiệu lực giải ngân là 1.124,6 tỷ đồng. Trong đó, ủy quyền sử dụng hạn mức và cho phép vay vốn ngắn hạn là 1.117,2 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh ủy quyền vay vốn dài hạn là 7,4 tỷ đồng.

Về dư nợ vay của Công ty mẹ tại các ngân hàng. Tại ngày 27/12/2017, dư nợ vay của Công ty mẹ là: 92,159 triệu USD và 202,354 tỷ đồng, quy VND tương đương 2.298,510 tỷ đồng. Trong đó: Dư nợ vay của Văn phòng Tổng công ty là: 52,124 triệu USD và 0,046 tỷ đồng, quy VND tương đương 1.185,606 tỷ đồng. Dư nợ vay của các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ: 40,035 triệu USD và 202,308 tỷ đồng, quy VND tương đương 1.112,904 tỷ đồng. Để hỗ trợ các đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ: Từ năm 2014 đến nay, Tổng công ty đã thực hiện hỗ trợ đơn vị trả nợ vay ngân hàng với số tiền 1.014,874 tỷ đồng và 4,789 triệu USD, do nếu không trả nợ kịp thì ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, và cảnh báo nợ xấu trên toàn bộ hệ thống thông tin tín dụng ngân hàng. Tính đến thời điểm 31/12/2017, số dư nợ hỗ trợ trả nợ vay các đơn vị còn nợ Tổng công ty là 1.123,423 tỷ đồng.

Dư nợ vay ngân hàng tại Công ty Lương thực Trà Vinh đến ngày 27/12/2017 còn 367,380 tỷ đồng, sau khi Công ty Lương thực Trà Vinh mất cân đối trả nợ vay, ngoài việc trích tài khoản tiền gửi của Công ty Lương thực Trà Vinh, các ngân hàng đã tự động trích từ tài khoản tiền gửi của Cơ quan Văn phòng Tổng công ty để thu nợ, lãi quá hạn đến 27/12/2017 tương đương: 258,610 tỷ đồng.

Năm 2017 đã ứng vốn để thực hiện đầu tư – xây dựng cơ bản cho 09 đơn vị với tổng giá trị: 18.266.318.715 đồng. Tổng công ty đã ra quyết định cấp chuyển bổ sung nguồn vốn từ Quỹ đầu tư Phát triển Văn phòng Tổng công ty cho 07 đơn vị thuộc Tổng công ty với tổng giá trị: 175.300.346.399 đồng. Hỗ trợ ứng vốn để đơn vị thu mua cánh đồng lớn với số tiền gốc là 68,14 tỷ đồng.

Hiện nay, thực hiện cân đối tiền hàng, nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh ngắn hạn tại thời điểm 27/12/2017 thì Tổng công ty không bị mất cân đối tài chính, vẫn đủ nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh với lý do là tại thời điểm 30/6/2017

tình hình tài chính Tổng công ty mặc dù bị lỗ lũy kế (902 tỷ đồng) và nợ tồn đọng (635 tỷ đồng), nhưng vốn chủ sở hữu còn hơn 3.800 tỷ, vốn lưu động của Công ty mẹ + 877,162 tỷ đồng (trong đó Văn phòng Tổng công ty hơn 2.349 tỷ đồng).

3. Thực hiện tái cơ cấu thủy sản.

Công ty NSTP Tiền Giang và Công ty NSTP Trà Vinh đã dừng hoạt động và đã ký Hợp đồng với Công ty TNHH Quốc Tiến, thực hiện công tác bảo dưỡng, bảo trì tài sản định kỳ theo kế hoạch. Công ty CP Tô Châu đã gia công thức ăn thủy sản cho Công ty CP XNK TS Cửu Long An Giang, và Công ty TNHH Trần Hân được: 6.851 tấn. Gia công chế biến cá tra file đông lạnh cho Công ty TNHH XK Cỏ May, lũy kế đến nay được: 5.686 tấn. Hiện nay, Tổng công ty đã chỉ đạo và đang tiến hành tổng hợp báo cáo của các đơn vị về giải pháp, phương án tái cơ cấu, khôi phục hoạt động lĩnh vực thủy sản như đã triển khai theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Kết quả thực hiện liên kết sản xuất CDL.

Trong năm 2017, các Công ty thành viên tham gia liên kết sản xuất cánh đồng lớn với tổng diện tích 28.585ha, đạt 65,16% so với KHDT. Tổng sản lượng lúa mua được là 51.291 tấn, tỉ lệ thu mua đạt 29% so với sản lượng ước thu hoạch, tổng kinh phí thu mua là 270.915 triệu đồng.

Một số Công ty thành viên đã chủ động hợp tác, liên kết ngang với các doanh nghiệp, đơn vị, các chương trình, dự án xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất lúa theo tiêu chí chất lượng cao, vệ sinh an toàn thực phẩm, với tổng diện tích sản xuất 9.032 ha.

5. Về công tác đầu tư – xây dựng cơ bản.

Đã triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, năm 2017 ước thực hiện cuối năm đạt 72 tỷ 913 triệu đồng trên tổng số kế hoạch điều chỉnh được duyệt 118 tỷ 144 triệu đồng đạt 61,72% kế hoạch năm, đã phê duyệt dự án Văn phòng Công ty Lương thực Đồng Tháp; dự án mô xà lan Cảng Trà Nóc; dự án 03 bển phao neo tàu tại Thốt Nốt của Công ty Lương thực Sông Hậu và Dự án chợ chuyên doanh Thốt Nốt giai đoạn 1. Hiện nay đang tiếp tục tiến hành điều chỉnh nguồn vốn dự án Kho Lương thực Tam Bình làm cơ sở thực hiện các hạng mục tiếp theo, tiếp tục tập trung đầu tư các hạng mục đổi mới công nghệ và tiết kiệm điện.

Tình hình thực hiện đầu tư hạng mục năm 2017 đạt thấp so với kế hoạch được duyệt chủ yếu do các nguyên nhân chính sau: Việc vay vốn ngân hàng để đầu tư hạng mục tại các đơn vị gặp rất nhiều khó khăn, các đơn vị không có nguồn vốn đầu tư phát triển, nên đa số các hạng mục có nguồn vốn vay đều không thực hiện đầu tư được. Đối với hai dự án Kho Lương thực Tam Bình và Chợ Chuyên doanh lúa gạo Thốt Nốt, do số tiền từ tài khoản tạm giữ chưa được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận gia hạn để sử dụng trong năm 2017, nên việc thanh toán các gói thầu đã hoàn thành đến hạn thanh toán kéo dài. Một số hạng mục cải tạo nâng cấp thiết bị do vừa làm vừa chờ sản xuất hơn nữa việc tận dụng thiết bị sắp xếp lại mất rất nhiều thời gian và bị kéo dài nên có chậm tiến độ.

6. Phương án sử dụng đất của Tổng công ty sau cổ phần hóa.

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/03/2015, Tổng công ty Lương thực miền Nam đang quản lý 146 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích là 3.405.950,7 m² tại 15 tỉnh, thành phố trên cả nước. Đến thời điểm trình phương án cổ phần hóa, có 14 cơ sở nhà, đất và một thửa có diện tích 697 m² của Xí nghiệp

bánh trắng và một phần diện tích 2.247,2 m² tại nhà máy xay xát Mỹ Phước của Công ty Lương thực Tiền Giang với tổng diện tích 1.266.552,5 m² được Tổng công ty chuyển nhượng và chuyển giao cho địa phương quản lý và sử dụng. Như vậy, sau cổ phần hóa Tổng công ty quản lý và sử dụng 132 cơ sở nhà, đất (gồm có 174 thửa) với tổng diện tích 2.139.398,2 m².

Về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa: tính đến thời điểm 31/12/2017 đã có 14/15 tỉnh, thành phố có công văn trả lời chính thức về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Tổng công ty. Riêng UBND thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa có ý kiến về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.

7. Công tác tổ chức.

Đã rà soát lại toàn bộ các quy chế nội bộ đã ban hành và tiến hành xem xét sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc xây dựng mới cho phù hợp với tình hình hiện tại và các quy định hiện hành. Rà soát, tổng hợp những hạn chế, vướng mắc để nghiên cứu điều chỉnh, xây dựng lại thang, bảng lương cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại đơn vị trong khối mẹ Tổng công ty. Thực hiện sắp xếp và giải quyết các vấn đề liên quan đến nhân sự đại diện vốn tại các công ty cổ phần. Rà soát, thực hiện quy hoạch giai đoạn 2016-2021, 2021-2026. Xây dựng Phương án nhân sự chuẩn bị cho mô hình hoạt động sau cổ phần hóa. Hoàn tất thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam lần thứ 10 và thay đổi nội dung đăng ký hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Thốt Nốt, Trà Vinh. Thực hiện công tác đề cử nhân sự ứng cử chức danh Chủ tịch Ban chấp hành Hiệp hội Lương thực Việt Nam nhiệm kỳ VIII. Hoàn thiện và trình ban hành Quy chế Thi đua – Khen thưởng của Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam. Hướng dẫn các Khối trưởng chấm điểm, họp tổng kết thi đua Khối năm 2017 xét Cờ thi đua các cấp và hướng dẫn các đơn vị tổng kết và bình xét khen thưởng năm 2017.

8. Công tác Thanh tra – Pháp chế.

Tháng 10 năm 2017 trong quá trình thực hiện kiểm toán, tổ kiểm tra của Tổng công ty phối hợp với đơn vị kiểm toán đã phát hiện dấu hiệu sai phạm và kịp thời báo cáo cơ quan Công an, lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Đảng ủy Khối DNTW về dấu hiệu có ý làm trái gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra tại Công ty Lương thực Trà Vinh. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra C46 Bộ Công an đã khởi tố vụ án bắt tạm giam nguyên Giám đốc Công ty và một số cá nhân có liên quan, đang tiếp tục điều tra làm rõ sai phạm các cá nhân và tập thể có liên quan.

Trong năm đã tập trung triển khai thực hiện Kết luận 2734/KL-TTCTP ngày 25/9/2015 của Thanh tra Chính phủ về việc chấp hành quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại Tổng công ty Lương thực miền Nam và một số đơn vị thành viên; Triển khai và thực hiện Kết luận Thanh tra số 5278/KL-BNN-TTr ngày 27/6/2017 và Văn bản số 5510/BNN-TCCB ngày 05/7/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Kế hoạch kiểm điểm, xử lý trách nhiệm cán bộ. Giải quyết 02 đơn vị khiếu nại tại các đơn vị phụ thuộc.

Báo cáo giải trình với Kiểm toán nhà nước về việc góp quyền thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để góp vốn đầu tư các dự án bất động sản. Báo cáo giải trình Kết luận thanh tra số 5278/KL-BNN-TTr ngày 27/06/2017 liên quan

đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bán tài sản của 3 cơ sở nhà đất và dự án 42 Chu Mạnh Trinh. Đã cung cấp hồ sơ về việc chuyển nhượng 03 vùng nuôi trồng thủy sản của Công ty NSTP Trà Vinh; Nhà số 02 Điện Biên Phủ của Công ty LT Trà Vinh, Khu đất 697m² Xí nghiệp bánh tráng của Công ty Lương thực Tiền Giang và thoái vốn dự án 42 Chu Mạnh Trinh cho C46 Bộ Công an. Cung cấp hồ sơ và làm việc với A86 Cục An ninh kinh tế Nông, Lâm, Ngư nghiệp - Bộ Công an liên quan đến việc quản lý, khai thác, sử dụng đất đai tại Tổng công ty và các đơn vị Tổng công ty có vốn chi phối.

*** Tổng số nợ phải thu tồn đọng đến ngày 28/12/2017: 630,947,865,782 đồng.**

- Nợ đã quá hạn thanh toán: 305.470.058 đồng
- Nợ phải thu khó đòi: 624.016.371.266 đồng
- Nợ không có khả năng thu hồi: 6.626.024.458 đồng

*** Diễn biến nợ phải thu khó đòi:** Trong thời gian vừa qua Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã khởi kiện ra tòa 49 vụ, cơ quan Cảnh sát điều tra giải quyết là 09 vụ. Trong 49 vụ khởi kiện, Tòa án giải quyết bằng quyết định hoặc bản án và quyết định thi hành án 41 vụ, nộp đơn khởi kiện tòa chưa giải quyết 08 vụ kiện.

9. Về công nghệ thông tin.

Xây dựng, quản lý và vận hành thông suốt hệ thống công nghệ thông tin của Tổng công ty, đảm bảo hoạt động điều hành của Ban lãnh đạo và các công tác chuyên môn của các Phòng ban nghiệp vụ, phục vụ tốt công tác truyền dữ liệu kế toán từ các đơn vị hạch toán phục thuộc về Văn phòng Tổng công ty và đã thực hiện khai thác dữ liệu từ Phần mềm kế toán EFFECT phục vụ cho công tác quản lý. Rà soát lại và bổ sung thêm quy chế về CNTT. Tổ chức lớp tập huấn kiến thức an toàn an ninh mạng dành cho các bộ lãnh đạo. Tổ chức báo cáo và thảo luận với các đơn vị khối Mẹ về tình hình sử dụng phần mềm kế toán Effect và phương án nâng cao việc quản lý vận hành phần mềm kế toán Effect tại Tổng công ty Lương thực miền Nam.

V. Đánh giá chung:

Mặc dù đầu năm Tổng công ty đã tập trung cho công tác thu mua chế biến, chuẩn bị được nguồn hàng cần thiết và quý III Tổng công ty đã tham gia đấu thầu giành được các hợp đồng xuất khẩu. Nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 vẫn không có hiệu quả: có 14 Công ty trực thuộc khối mẹ chỉ có 02 đơn vị kinh doanh có hiệu quả nhưng không đáng kể, còn lại 12/14 đơn vị thuộc khối mẹ bị lỗ; có 12 Công ty cổ phần có vốn góp chi phối chỉ có 05 Công ty kinh doanh có hiệu quả, còn lại 07 Công ty bị lỗ, hầu hết các đơn vị bị lỗ đều là những đơn vị kinh doanh lương thực.

Về cổ phần hóa với sự hỗ trợ, chỉ đạo trực tiếp từ Ban Chỉ đạo cổ phần hóa, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với sự tập trung, quyết tâm cao từ lãnh đạo Tổng công ty, Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hiện nay, Tổng công ty đang tập trung quyết liệt để thực hiện các bước tiếp theo để IPO và đại hội cổ đông lần đầu kịp tiến độ theo quy định.

Đối với Công ty TNHH Lương thực TP. Hồ Chí Minh và Công ty TNHH

xuất nhập khẩu Kiên Giang đã cổ phần hóa xong và năm 2017 cũng đã tiến hành xong việc bàn giao giai đoạn 2, thực hiện niêm yết trên sàn giao dịch.

VI. Những nguyên nhân, những hạn chế, yếu kém và gặp nhiều khó khăn cần tập trung khắc phục trong thời gian tới :

- Tồn kho năm 2016 chuyển sang năm 2017 rất lớn nhưng thời gian tiêu thụ hàng tồn kho kéo dài, phát sinh chi phí tái chế khiến tăng giá thành sản xuất.

- Tại một số đơn vị thành viên, công tác nắm bắt thông tin thị trường đôi lúc chưa được nhanh nhạy và kịp thời; phụ thuộc quá nhiều vào thị trường tập trung, chưa phát triển tốt thị trường thương mại nên khi tỷ trọng các hợp đồng tập trung giảm mạnh thì lập tức rơi vào hoàn cảnh khó khăn.

- Việc tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường thương mại chưa có đột phá, các đơn vị còn mang tính thụ động, chờ đợi. Công tác xúc tiến thương mại, khảo sát thị trường, chương trình khuyến mại, chăm sóc khách hàng chưa mang đến hiệu quả rõ rệt.

- Tổng lượng gạo xuất khẩu năm 2017 tiêu thụ nhiều nhất vẫn là Trung Quốc đứng đầu chiếm 39,2%% lượng gạo xuất khẩu cả nước, nhưng lượng xuất khẩu của Tổng công ty vào thị trường này chưa nhiều, nguyên nhân chính là do sau khi Trung Quốc áp dụng chương trình chuẩn hóa quy trình xuất khẩu theo nghị định thư (AQSIQ), chỉ có Chi nhánh Thốt Nốt và Công ty Lương thực Tiền Giang đạt yêu cầu, dẫn đến lượng gạo xuất khẩu qua Trung Quốc của Tổng công ty giảm đáng kể.

- Nhiều đơn vị thành viên trực thuộc bán ra ít, không đạt mức sản lượng cần thiết, làm định phí trên một đơn vị sản phẩm cao, phát sinh lỗ, thậm chí lỗ lớn. Thị trường nội địa tuy đã có phát triển, nhưng số lượng tiêu thụ còn rất khiêm tốn, đội ngũ bán hàng thiếu chuyên nghiệp, chất lượng chưa ổn định, gặp khó khăn trong cạnh tranh.

- Kho tàng, nhà xưởng, thiết bị của toàn Tổng công ty khá lớn, nhưng quản lý và sử dụng mặt bằng máy móc thiết bị chưa hết công suất, hiệu quả thấp, không bù đắp được định phí, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phần lớn hệ thống kho tàng, máy móc thiết bị đã đầu tư từ lâu, rất lớn, nhưng công suất sử dụng rất thấp; khó khăn về nguồn lực để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất; Nhiều đơn vị nằm ở vị trí xa vùng nguyên liệu cũng là những điểm hạn chế, làm gia tăng định phí, tăng giá thành sản phẩm, giảm sức cạnh tranh trên thị trường.

- Công tác quản lý, điều hành sản xuất còn nhiều vấn đề chưa được quan tâm đúng mức để có giải pháp nâng cao hiệu quả, giảm chi phí trên từng đơn vị sản phẩm...

- Công tác quản lý, tiết kiệm chi phí có thực hiện nhưng chưa được quan tâm đúng mức để có giải pháp cụ thể nhằm giảm chi phí trên từng sản phẩm đơn vị.

- Về sai phạm tại Công ty Lương thực Trà Vinh, hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công An đã tổng đạt quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam anh Trần Văn Tâm nguyên Giám đốc Công ty và 03 cán bộ của Công ty liên quan về hành vi cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng. Mặc dù lãnh đạo Tổng công ty đã chủ động phát hiện kịp thời nhưng qua lời khai ban đầu của nguyên Giám đốc Công ty thì sự việc xảy ra khá

lâu. Từ đây cho thấy công tác kiểm tra, giám sát chưa được tiến hành một cách chuyên sâu, thường xuyên. Việc thực hiện chế độ tự kiểm tra tại các cơ sở còn hạn chế.

Toàn Tổng công ty cần nhận thức sâu sắc về những nguyên nhân, những hạn chế yếu kém, đề ra những giải pháp quyết liệt để năm 2018 chúng ta mới có cơ hội vượt qua thách thức, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

B. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

I. Dự báo tình hình thế giới:

Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo lượng gạo giao dịch toàn cầu năm 2018 sẽ đạt 45,5 triệu tấn, tăng 400.000 tấn so với dự báo tháng trước nhưng giảm 1,6% so với năm 2017.

Sản lượng gạo xuất khẩu của Argentina, Myanmar, Campuchia, Thái Lan, Mỹ và Uruguay sẽ giảm. Ngược lại, Australia, Ấn Độ, Pakistan và Việt Nam sẽ xuất khẩu gạo nhiều hơn trong năm 2018.

Trong khi đó, USDA ước tính Ai Cập, Iran, Kenya, Malaysia, Nigeria và Sri Lanka sẽ giảm nhập khẩu gạo. Ngược lại, Bangladesh, Bờ Biển Ngà, Madagascar và Philippines sẽ đẩy mạnh mua gạo trong năm 2018.

Trung Quốc vừa quyết định cắt giảm thuế nhập khẩu xuống 10% đối với gạo tằm kể từ tháng 7/2018 và dự kiến nước này sẽ nhập khẩu 4,8 triệu tấn, giảm 200.000 tấn so với năm 2017 do sản lượng tăng. Trung Quốc sẽ vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất thế giới do giá ở các nước láng giềng rẻ hơn kích lệ hoạt động nhập khẩu gạo, kể cả nhập qua biên giới.

Nigeria dự báo sẽ vẫn nhập khẩu 2,1 triệu tấn với nhu cầu nhập gạo đồ sẽ tiếp tục mạnh, nhưng việc hạn chế sử dụng ngoại tệ và thuế cao sẽ hạn chế nhập khẩu gạo vào thị trường này. Tiêu thụ gạo của Nigeria sẽ tiếp tục giảm vì gạo trở nên đắt hơn so với các loại ngũ cốc và củ khác.

EU sẽ tăng nhập khẩu thêm 50.000 tấn lên đến 1,9 triệu tấn.

Philippines sẽ giảm xuống 1,3 triệu tấn do giảm nhập khẩu vì sản lượng nội địa dự kiến cao hơn.

Malaysia sẽ nhập khẩu 900.000 tấn, vững so với năm trước.

Indonesia có khả năng nhập khẩu 500.000 tấn trong bối cảnh lượng tồn kho cuối tháng 11 là 1,2 triệu tấn và dự kiến chỉ còn dưới 1 triệu tấn vào cuối năm 2017.

Bangladesh sẽ tăng nhập khẩu thêm 150.000 tấn lên 300.000 tấn, USDA dự báo nước này trong năm 2018 nhập khẩu khoảng 1,6 triệu tấn gạo.

Đặc biệt, **Bờ Biển Ngà** sẽ trở thành nước nhập khẩu gạo lớn thứ 5 thế giới trong năm 2018 với 1,5 triệu tấn. Mặc dù sản lượng tăng nhanh ở nước này trong những năm gần đây, song tiêu thụ vẫn vượt xa cung, và thị trường này phải phụ thuộc vào nhập khẩu gạo tằm và gạo xay xát của Việt Nam, Thái Lan và Ấn Độ mới đáp ứng đủ nhu cầu. Các nước Tây và Nam Phi thường nhập khẩu gạo của Việt Nam, Thái Lan và Ấn Độ, trong khi các nước Đông Phi nhập của Pakistan.

Nigeria là nước đông dân nhất Châu Phi và là nước nhập khẩu gạo lớn thứ 2 thế giới sau Trung Quốc. Tuy nhiên, nỗ lực của Chính phủ trong việc tự cung tự

cấp lương thực và chính sách hạn chế nhập khẩu đã làm giảm lượng nhập gạo từ 3,4 triệu tấn năm 2012 xuống dự báo chỉ 2,1 triệu tấn năm 2018.

Cũng theo dự báo của USDA, hai nước xuất khẩu gạo lớn nhất trong năm 2018 sẽ tiếp tục là Ấn Độ và Thái Lan. Riêng với Việt Nam, lượng gạo xuất khẩu năm 2018 có thể tăng thêm 400 ngàn tấn so năm 2017 để đạt mức 6 triệu tấn. Gạo xuất khẩu của Việt Nam sẽ tăng lên chủ yếu nhờ nhu cầu ở Đông Nam Á, nhất là tại Philippines.

II. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018:

1. Công ty mẹ - con:

SỐ TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	% SO CK
I	MUA VÀO				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	1.579.195	1.480.270	93,74
2	Thủy sản (cá cơm):	Tấn	1.388	1.100	79,25
3	Lúa mì	Tấn	42.968	55.000	128,00
II	BÁN RA				
1	Gạo (a+b)	Tấn	1.705.196	1.843.210	108,09
a)	Gạo Công ty mẹ bán ra	Tấn	1.631.510	1.493.210	91,52
	Trong đó: - Xuất khẩu:	Tấn	837.409	771.000	92,07
	- Nội địa	Tấn	794.101	722.210	90,95
b)	Gạo nhận UTXK ngoài TCT:	Tấn	73.686	350.000	474,99
2	Thủy sản (cá cơm):	Tấn	297	300	101,01
3	Bột mì:	Tấn	37.500	47.000	125,33
4	Thực phẩm chế biến:	Tấn	12.900	14.250	110,47
5	Bao bì:	Ngàn cái	32.740	36.500	111,48
III	KIM NGẠCH XNK:	Ngàn USD	374.633	378.263	100,97
	Trong đó: - Kim ngạch XK:	Ngàn USD	365.652	363.468	99,40
	- Kim ngạch NK:	Ngàn USD	8.981	14.795	164,74
	* KN nhận ủy thác XK:	Ngàn USD	27.263	122.500	449,33
IV	DOANH THU:	Tỷ đồng	17.546,223	20.156,100	114,87
V	LỢI NHUẬN:	Tỷ đồng	-195,558	239,560	
VI	ĐẦU TƯ - XDCB:	Tỷ đồng	118,144	163,338	138,25
VII	NỢP NGÂN SÁCH		theo quy định của pháp luật		

2. Công ty mẹ:

SỐ TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	% SO CK
I	MUA VÀO				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	1.232.477	1.000.000	81,14
2	Lúa mì	Tấn	42.968	55.000	128,00
II	BÁN RA				
1	Gạo (a+b)	Tấn	1.342.940	1.370.000	102,01
a)	Gạo Công ty mẹ bán ra	Tấn	1.269.254	1.020.000	80,36
	Trong đó: - Xuất khẩu:	Tấn	574.834	520.000	90,46
	- Nội địa	Tấn	694.420	500.000	72,00
b)	Gạo nhận UTXK ngoài TCT:	Tấn	73.686	350.000	474,99
2	Bột mì:	Tấn	37.500	47.000	125,33
3	Thực phẩm chế biến:	Tấn	320	1.050	328,13
4	Bao bì:	Ngàn cái	9.232	10.500	113,73
III	KIM NGẠCH XNK:	Ngàn USD	247.416	243.654	98,48
	Trong đó: - Kim ngạch XK:	Ngàn USD	238.435	228.859	95,98
	- Kim ngạch NK:	Ngàn USD	8.981	14.795	164,74
	* KN nhận ủy thác XK:	Ngàn USD	27.263	122.500	449,33
IV	DOANH THU:	Tỷ đồng	10.985,203	12.047,100	109,67
V	LỢI NHUẬN:	Tỷ đồng	-145,920	148,000	
VI	ĐẦU TƯ – XDCB:	Tỷ đồng	118,144	163,338	138,25
VII	NỢP NGÂN SÁCH		theo quy định của pháp luật		

III. Giải pháp thực hiện:

1. Về kinh doanh lương thực:

a. Xúc tiến thương mại.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, khai thác các thị trường thương mại nhất là các thị trường như Hàn Quốc, Nhật, Mỹ...; chuẩn bị tốt các phương án kinh doanh, mua nhanh bán nhanh đảm bảo tăng và giữ tỷ trọng xuất khẩu gạo của Tổng công ty. Nâng cao hiệu quả trong việc tìm kiếm thông tin diễn biến thị trường gạo thế giới, xu thế giá, tiêu chuẩn, chất lượng gạo nhập khẩu và rào cản khác đối các hoạt động nhập khẩu gạo của các nước: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ...

b. Thị trường xuất khẩu thương mại và thị trường xuất khẩu lớn tập trung.

Xác định thị trường Trung Quốc và Châu Phi sẽ là 02 thị trường mục tiêu, hàng đầu, đây là 02 thị trường dự báo có nhu cầu nhập khẩu lớn trong năm 2018, trong đó thị trường Trung Quốc có vị trí địa lý gần với Việt Nam và có nhu cầu nập tăng mạnh, bên cạnh đó là thị trường Châu Phi đang có nhu cầu tăng đáng kể về gạo thơm. Làm việc với các ngân hàng để được hỗ trợ, kiểm tra thông tin ngân hàng của đối tác và lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp nhằm hạn chế rủi ro trong khâu thanh toán.

Tìm kiếm các đối tác thương nhân của Philippines được cấp phép theo chương trình MAV để xuất khẩu trực tiếp kể cả cung ứng xuất khẩu. Hỗ trợ các đơn vị thành viên trong quá trình giao dịch và ký hợp đồng xuất khẩu theo chương

trình này.

Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu gạo, tránh phụ thuộc vào một số thị trường nhất định. Duy trì tốt mối quan hệ với các kênh thông tin nhằm theo dõi chặt chẽ nhu cầu nhập khẩu gạo trắng của các thị trường tập trung như Malaysia (gạo 5% và 15% tằm), Philippines (gạo 15% và 25% tằm), Indonesia (gạo 5% và 15% tằm), Bangladesh (gạo 5%, 15% tằm và gạo đỏ) để tham gia đấu thầu với số lượng tối đa và giá cả đảm bảo hiệu quả xuất khẩu, hiệu quả kinh tế.

c. Thị trường nội địa.

Phát huy vai trò của các đơn vị thành viên đã có thị trường nội địa, sản phẩm mà các đơn vị có lợi thế để tăng sản lượng tiêu thụ, mở rộng và tăng dần phân khúc thị phần các sản phẩm có giá trị tăng cao như gạo dinh dưỡng, gạo đỏ, gạo hữu cơ, bột gạo, thực phẩm dinh dưỡng, gạo thơm, gạo chất lượng cao... đặc biệt là các dòng sản phẩm gạo an toàn. Mở rộng thị trường mới, cải tiến mẫu mã bao bì, nâng cao chất lượng đóng gói. Tổ chức xây dựng từng bước nhằm phát triển hệ thống phân phối trực tiếp, liên kết các đơn vị bán lẻ để đưa sản phẩm tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng trong nước... với chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng mang đến hiệu quả thiết thực. Tập trung, định hình một số nhãn hiệu hàng hóa chủ lực theo hướng ổn định chất lượng, số lượng để tiếp tục phát triển thị trường nội địa. Gắn việc xây dựng vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm với việc xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu để phát triển thị trường nội địa.

2. Về kinh doanh lúa mì – bột mì.

Chủ động nguồn nguyên liệu để đảm bảo sản xuất. Tích cực bám sát diễn biến thị trường và chính sách của các Công ty bột mì khác để có giải pháp duy trì sản lượng tiêu thụ, tập trung vào kênh tiêu thụ thuộc khu vực đại lý. Tích cực quan hệ, chăm sóc khách hàng, phấn đấu cho bằng được sản lượng năm 2018 cũng như kế hoạch lợi nhuận đã đặt ra. Cuối năm không để phát sinh thêm công nợ khó đòi. Tập trung cho công tác cải tiến chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu đa dạng của thị trường hiện nay. Quản lý chặt chẽ khâu sản xuất: Kiểm soát định mức, quy trình sản xuất, chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, chi phí quản lý để giảm giá thành sản phẩm tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

3. Về kinh doanh lương thực thực phẩm chế biến.

Năm 2018, khi Việt Nam chính thức ký kết nhiều hiệp định thương mại, thị trường xuất khẩu được mở rộng nhưng sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt. Để đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh và đạt hiệu quả tốt, ngành Lương thực Thực phẩm chế biến cần tập trung cho việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo các chuẩn mực quốc tế. Tăng cường công tác tiếp thị, khai thác thị trường, quản lý chặt nguồn nguyên liệu đầu vào, cải tiến quy trình sản xuất nhằm ổn định chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng; tiếp tục phát động phong trào thực hành tiết kiệm và hợp lý hóa quy trình sản xuất, đảm bảo thực hiện tốt định mức trong sản xuất, tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, thu hồi thành phẩm nhằm hạ giá thành, nâng cao tính cạnh tranh.

4. Về kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ khác.

Các ngành hàng kinh doanh khác như: Thủ công mỹ nghệ, nước đá, nước tinh khiết, cơ khí, xăng dầu, hàng công nghệ phẩm, bao bì, dịch vụ cảng... cần phải tiếp tục nghiên cứu cải tiến, tăng cường liên kết giữa các đơn vị trong Tổng công

ty, tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường để phát triển nhằm tạo việc làm cho cán bộ công nhân viên và có lợi nhuận bổ sung vào hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

IV. Đối với hoạt động quản lý:

1. Về công tác cổ phần hoá.

Tập trung khẩn trương triển khai Quyết định số 2133/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ – Tổng công ty Lương thực miền Nam, thời gian theo tiến độ là chậm nhất đến ngày 02 – 04/04/2018 phải hoàn thành việc bán cổ phần lần đầu để tổ chức đại hội cổ đông lần đầu.

2. Công tác tài chính kế toán.

Hướng dẫn, đôn đốc và tập trung quyết toán tài chính bàn giao chuyển sang Công ty cổ phần.

Làm việc với các ngân hàng về tái ký hợp đồng tín dụng và điều phối hạn mức tín dụng cho năm 2018 của Tổng công ty; đổi mới phương thức bảo lãnh vay vốn sau cổ phần hóa và hướng dẫn công tác vay, lãi suất vay thu mua, dự trữ, chế biến lương thực, hướng dẫn công tác vay, lãi suất vay thu mua, dự trữ, chế biến lương thực xuất khẩu theo các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư - xây dựng cơ bản cho các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty. Quản lý chặt chẽ hạn mức tín dụng ủy quyền cho các đơn vị trực thuộc, quản lý chặt chẽ tiền hàng và luân chuyển dòng tiền. Kiểm tra việc vay vốn ngân hàng theo mục đích sử dụng vốn, theo dõi chặt chẽ tiến độ thanh toán nợ và thu hồi nợ, xử lý kịp thời các khoản nợ đến hạn, kiên quyết không để phát sinh nợ quá hạn thanh toán. Theo dõi và thu tiền cổ tức vốn đầu tư, thoái vốn đầu tư ra ngoài của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, công tác hoàn thuế GTGT của Văn phòng Tổng công ty, Thực hiện việc cân đối, luân chuyển, sử dụng vốn hiệu quả nhất. Tiếp tục thực hiện tăng cường giám sát tài chính đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết theo quy định Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

3. Công tác đầu tư – xây dựng cơ bản.

a. Kế hoạch đầu tư - xây dựng cơ bản năm 2018 của Tổng công ty.

Tổng cộng:	161,338 tỷ đồng, trong đó:
+ Vốn vay:	50,007 tỷ đồng
+ Vốn công ty:	71,814 tỷ đồng
+ Vốn Tổng công ty:	39,517 tỷ đồng

Theo kế hoạch đầu tư - xây dựng cơ bản năm 2018 đã xây dựng trong phương án cổ phần hóa Tổng công ty trong kế hoạch dài hạn năm 2017 - 2020 là 463.943 triệu đồng.

Tuy nhiên hiện nay Tổng công ty đã và đang rà soát lại để thực hiện những dự án và hạng mục thật sự cần thiết trong tình hình khó khăn hiện nay. Qua quá trình rà soát dự kiến kế hoạch Đầu tư - xây dựng cơ bản năm 2018 là khoảng 161,338 tỷ đồng (trong đó có chi phí khôi phục lại ngành thủy sản tại Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang), như vậy kế hoạch Đầu tư - xây dựng cơ bản năm 2018 giảm đi so với kế hoạch trong phương án cổ phần hóa là 302,605 tỷ

đồng, cụ thể do:

- Không đưa vào kế hoạch đầu tư năm 2018 giá trị 150 tỷ đồng cho dự án di dời Nhà máy Bột mì Bình Đông do chưa cân đối được nguồn vốn, khi nào cân đối được nguồn vốn đầu tư sẽ bổ sung vào kế hoạch sau này. (Trong Kế hoạch đầu tư năm 2018 trong phương án cổ phần hóa có dự kiến kế hoạch năm 2018 cho dự án này là 150 tỷ đồng).

- Không đưa vào kế hoạch giai đoạn 2 của dự án Chợ Chuyên doanh lúa gạo Thốt Nốt giá trị 100 tỷ đồng (trong Kế hoạch đầu tư năm 2018 trong phương án cổ phần hóa có dự kiến kế hoạch năm 2018 cho dự án này là 100 tỷ đồng).

- Ngoài ra chưa tiến hành thực hiện các dự án khác như: một số nhà máy sấy lúa tại các đơn vị trực thuộc và cắt giảm bớt một số hạng mục, giá trị kế hoạch giảm đi khoảng 52,605 tỷ đồng so với kế hoạch dự kiến trong phương án cổ phần hóa.

b. Đánh giá về tình hình đầu tư năm 2018:

- Hiện nay Tổng công ty đang gặp khó khăn về nguồn vốn đầu tư dài hạn, nhất là các đơn vị kinh doanh không hiệu quả không có nguồn vốn để cải tạo máy móc thiết bị, hợp lý hóa sản xuất.

- Bên cạnh đó do việc vay vốn ngân hàng để đầu tư cho hạng mục tại các đơn vị rất khó khăn.

- Ngoài ra trong thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần nên việc phê duyệt kế hoạch Đầu tư - xây dựng cơ bản năm 2018 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần quyết định, trong khi hiện nay đang trong giai đoạn chuyển tiếp nên việc phê duyệt kế hoạch Đầu tư - xây dựng cơ bản chưa thể thực hiện được.

c. Giải pháp.

- Tiến hành rà soát các hạng mục thật sự cần thiết mới tiến hành đầu tư.

- Tổng công ty sẽ hỗ trợ nguồn vốn đối với những đơn vị trực thuộc gặp khó khăn về nguồn vốn đầu tư đối với những hạng mục cần thiết, phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Các đơn vị trực thuộc tăng cường liên hệ với các ngân hàng để tìm nguồn vốn vay dài hạn để đầu tư, cải tạo máy móc thiết bị, hợp lý hóa sản xuất.

4. Công tác tổ chức.

a) Kế hoạch sử dụng lao động năm 2018:

Trong năm 2018, Tổng công ty tiếp tục tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là kinh doanh lương thực, chủ yếu vẫn là hoạt động xuất khẩu gạo; tăng cường khai thác thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu gạo thương mại, tăng cường nghiên cứu phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng từ quá trình xay xát và chế biến lúa, gạo đảm bảo kinh doanh phát triển ổn định. Đồng thời, Tổng công ty triển khai thực hiện phương án cổ phần hóa đã được Chính phủ phê duyệt.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên, Tổng công ty thực hiện giải quyết cho lao động nghỉ dôi dư theo phương án, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị thuộc khối công ty mẹ hợp lý, tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực làm việc phù hợp với tình hình và điều kiện sản xuất kinh doanh mới, cụ thể như sau:

Tổng số lao động bình quân ước thực hiện năm 2017: 2.255 người.
 Trong đó: - Viên chức quản lý: 9,67 người.
 - Người lao động: 2.245 người.
 Tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2018: 1.714 người.
 Trong đó: - Viên chức quản lý: 8 người.
 - Người lao động: 1.706 người.

(Đính kèm biểu số 1 kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 51/2016/NĐ-CP).

b) Quỹ lương của người lao động:

Căn cứ vào kết quả ước thực hiện năm 2017 (trên cơ sở số liệu tạm tính từ các đơn vị báo, đến nay chưa có số quyết toán chính thức) và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018 (theo phương án cổ phần hóa), Tổng công ty xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2018 như sau:

So sánh chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 với ước thực hiện năm 2017:

- Chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2018 là 148,000 tỷ đồng, tăng so với ước thực hiện năm 2017 là 145,920 tỷ đồng.

- Tổng (doanh thu - chi phí chưa có lương) kế hoạch năm 2018 là 320,760 tỷ đồng, tăng 1.115% so với ước thực hiện năm 2017 là 26,390 tỷ đồng.

- Năng suất lao động bình quân kế hoạch năm 2018 là 188,019 triệu đồng/người/năm, tăng 1.499% so với ước thực hiện năm 2017 là 11,755 triệu đồng/người/năm.

Tổng công ty áp dụng công thức tính tiền lương kế hoạch của người lao động theo Khoản 1, Điều 9 của Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 51/2016/NĐ-CP:

- Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2018:

$$TL_{bqkh} = TL_{bqthnt} + TL_{bqthnt} \times (W_{kh}/W_{thnt} - 1) \times H_{tlns}$$

Trong đó:

$$TL_{bqthnt}: 6,333 \text{ triệu đồng/người/tháng.}$$

$$W_{kh}/W_{thnt}: 188,019/11,755 = 15,995$$

$H_{tlns}: 1$ (do lợi nhuận kế hoạch cao hơn so với lợi nhuận thực hiện năm trước liền kề)

$TL_{bqkh} = 6,333 + 6,333 \times (15,995 - 1) \times 1 = 101,296$ triệu đồng/người/tháng, là mức tối đa nếu đảm bảo được lợi nhuận.

Để đảm bảo sự cân đối và phù hợp giữa chi phí tiền lương và lợi nhuận kế hoạch năm 2018, đồng thời động viên tinh thần người lao động, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch, Tổng công ty xây dựng quỹ lương tương đương với mức ước thực hiện năm 2017, mức lương bình quân kế hoạch đề nghị là 8,304 triệu đồng/người/tháng (tăng 1,31 lần so với mức tiền lương bình quân ước thực hiện năm 2017).

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 của người lao động sẽ là:

$$8,304 \text{ triệu đồng/người/tháng} \times 1.714 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 170.000 \text{ triệu đồng.}$$

(Đính kèm Biểu số 2 kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 51/2016/NĐ-CP).

c) Quỹ tiền lương người quản lý chuyên trách:

Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

“Công ty bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, nộp ngân sách theo quy định, năng suất lao động bình quân không giảm và lợi nhuận kế hoạch cao hơn thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản và hệ số điều chỉnh tăng thêm so với mức lương cơ bản gắn với quy mô lợi nhuận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh (gọi tắt là Hln) như sau:

a) Công ty thuộc lĩnh vực ngân hàng, tài chính, viễn thông có lợi nhuận dưới 500 tỷ đồng; lĩnh vực khai thác và chế biến dầu khí, khoáng sản, điện, thương mại, dịch vụ có lợi nhuận dưới 300 tỷ đồng; lĩnh vực còn lại có lợi nhuận kế hoạch dưới 200 tỷ đồng thì Hln tối đa bằng 0,5 lần mức lương cơ bản”.

Căn cứ kết quả ước thực hiện năm 2017 và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Tổng công ty xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách năm 2018 như sau:

- Số người quản lý chuyên trách kế hoạch năm 2018 là 8 người.

- Mức lương cơ bản bình quân kế hoạch năm 2018 của người quản lý chuyên trách là 28,750 triệu đồng/người/tháng.

Để đảm bảo sự cân đối và phù hợp giữa chi phí tiền lương và lợi nhuận kế hoạch năm 2018, Tổng công ty không điều chỉnh tăng mức lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách.

- Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2018 của người quản lý chuyên trách là:

28,750 x 8 x 12 = 2.760 triệu đồng.

(Đính kèm biểu số 1 kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 51/2016/NĐ-CP).

5. Công tác Thanh tra pháp chế.

Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc tiếp tục quyết liệt tham gia khởi kiện thu hồi nợ, báo cáo hàng tuần và tháng cho Tổng Giám đốc và Ban Chỉ đạo kiểm tra thu hồi nợ của Tổng công ty, phản ánh kịp thời những vướng mắc phát sinh để có giải pháp xử lý. Đối các vụ kiện đã được cơ quan tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng quyết định hoặc bản án, đã có đơn yêu cầu thi hành án thì các đơn vị tích cực theo dõi và tìm kiếm các tài sản của bên nợ để áp dụng biện pháp cản trở công nợ hoặc kịp thời báo cho cơ quan thi hành án. Đối với các vụ việc chưa khởi kiện và đã khởi kiện nhưng tòa án chưa giải quyết các đơn vị rà soát tìm kiếm tài sản cung cấp cho tòa án để đảm bảo cho việc thanh toán nợ và tránh tình trạng tẩu tán tài sản.

Tiếp tục theo dõi xử lý các vấn đề liên quan đến sai phạm tại Công ty Lương thực Trà Vinh, các bộ phận nghiệp vụ có liên quan tích cực phối hợp, tạo điều kiện để cơ quan điều tra làm rõ những sai phạm của các cá nhân và tập thể. Tiếp nhận và xử lý đơn thư (nếu có) và các tồn tại tại các đơn vị phụ thuộc còn tồn đọng hiện nay.

6. Về xây dựng cánh đồng lớn.

Định hướng phát triển liên kết sản xuất phát triển vùng nguyên liệu phải đảm bảo 3 tiêu chí: Một là phù hợp với đầu ra thị trường, khách hàng hiện có của đơn vị, hoặc có đơn hàng tiêu thụ của phòng Kinh doanh - Tổng công ty; Hai là thực trạng năng lực kho chứa, máy sấy hiện có và ba là khả năng tài chính và công tác quản lý sản xuất để phát huy hiệu quả. Kế hoạch liên kết sản xuất năm 2018 của 14 Công ty thành viên là 28.236 ha. Trong đó, diện tích lúa CLC, vệ sinh ATTP là 6.191 ha và thực hiện hợp đồng có đầu tư đồng bộ đầu vào (PT1): 952 ha (chiếm 3,4% so tổng DTHĐ), đầu tư đầu vào một phần (PT 2, cung ứng lúa giống hoặc thuốc BVTV): 8.160 ha (28,9%) và tiêu thụ lúa theo PT 3: 19.124 ha (67,7%).

7. Về tái cơ cấu thủy sản.

Tái cơ cấu lĩnh vực thủy sản trong giai đoạn hiện nay được tổ chức thực hiện theo ba hướng là: Khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh; Hợp tác, liên kết, liên doanh, sản xuất gia công; Thanh lý, nhượng bán tài sản để thu hồi vốn, hoặc thay đổi công năng sử dụng.

Tổng công ty Lương thực miền Nam đã triển khai chủ trương về phục hồi, củng cố lại hoạt động lĩnh vực thủy sản. Năm 2018, các công ty hoạt động thủy sản tích cực tìm kiếm khách hàng, khai thác thị trường, từng bước khôi phục lại hoạt động hoặc liên kết, liên doanh, hợp tác, sản xuất gia công, chế biến, trong đó ưu tiên khôi phục các vùng nuôi cá tra và các nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản.

8. Công tác công nghệ thông tin.

Tiếp tục Quản lý và vận hành Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu quản lý và điều hành của Ban lãnh đạo phù hợp tình hình và nhiệm vụ mới. Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh hệ thống mạng nội bộ tại Văn phòng Tổng công ty và mạng riêng ảo với các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Xây dựng và đề xuất ứng dụng Văn phòng điện tử, chữ ký điện tử tại Văn phòng Tổng công ty.

Tổng công ty Lương thực miền Nam kính báo cáo. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV;
- Ban TGD;
- KSV; KSNB;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VT.



Nguyễn Ngọc Nam